

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Tạ Văn Doanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nghiêm Thị T, sinh năm 2000; trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Gia Đường Anh T1, sinh năm 1997; trú tại thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-01-2023, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nghiêm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Gia Đ Anh T1 kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10-6-2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian

ngắn, đến tháng 01-2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T1 có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xích mích. Vợ chồng ly thân từ tháng 4-2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể quay lại đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Dương Anh K, sinh ngày 22-6-2020. Hiện cháu K đang sống cùng chị. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn là anh Dương Gia Đ Anh T1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nghiêm Thị T quen biết, được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện vào ngày 10-6-2020, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L và sống chung tại thôn K, xã H, huyện L. Vợ chồng chung sống đến tháng 01-2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4-2022 đến nay, không hỏi thăm gì đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn như nguyện vọng của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Dương Anh K, sinh ngày 22-6-2020. Hiện cháu K đang sống cùng chị T. Nay ly hôn, do con còn nhỏ nên anh nhất trí để chị T nuôi dưỡng con. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nghiêm Thị T và bị đơn là anh Dương Gia Đ Anh Tuấn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị T và anh T1 trong hồ sơ vụ án.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều

35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giải quyết cho chị Nghiêm Thị T được ly hôn anh Dương Gia Đ Anh T1. Về con chung: Giao chị Nghiêm Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Anh K, sinh ngày 22-6-2020. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Chị Nghiêm Thị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nghiêm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nghiêm Thị T có đơn xin ly hôn, giải quyết về nuôi con đối với anh Dương Gia Đường Anh T1. Bị đơn anh Dương Gia Đ Anh T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nghiêm Thị T và bị đơn là anh Dương Gia Đ Anh T1 vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị T kết hôn với anh Dương Gia Đ Anh Tuấn trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh, chị chung sống được thời gian đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Nghiêm Thị T và anh Dương Gia Đ Anh T1 là hợp pháp. Hiện nay chị Nghiêm Thị T và anh Dương Gia Đ Anh T1 không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19- Luật Hôn nhân và

gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nghiêm Thị T và anh Dương Gia Đ Anh T1 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nghiêm Thị T và anh Dương Gia Đ Anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nghiêm Thị T được ly hôn anh Dương Gia Đ Anh T1.

[3.2] Về con chung: Chị Nghiêm Thị T và anh Dương Gia Đ Anh T1 có một con chung là Dương Anh K, sinh ngày 22-6-2020. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung đang sống cùng chị Nghiêm Thị T, cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh. Cháu K còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho chị Nghiêm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Dương Gia Đ Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nghiêm Thị T không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Nghiêm Thị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147- Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nghiêm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị T được ly hôn anh Dương Gia Đ Anh T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Anh K, sinh ngày 22-6-2020 cho chị Nghiêm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Dương Gia Đ Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nghiêm Thị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nghiêm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015155 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nghiêm Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Nghiêm Thị T, bị đơn là anh Dương Gia Đ Anh T1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Ong Thân Thắng**